

Hướng dẫn giải các bài tập trang 47 đến 51 **Bài 57: Chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số sách giáo khoa Toán lớp 3 bộ sách Kết nối tri thức (KNTT)** thuộc chương trình mới chi tiết và chính xác nhất sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích dành cho phụ huynh và các em học sinh.

Giải Toán KNTT lớp 3 trang 48 Hoạt động

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 48 Bài 1: Tính:

$$\begin{array}{r} 6393 \quad | \quad 3 \\ \hline \\ \\ \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6606 \quad | \quad 6 \\ \hline \\ \\ \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 3652 \quad | \quad 4 \\ \hline \\ \\ \\ \hline \end{array}$$

Lời giải:

$$\begin{array}{r} 6393 \quad | \quad 3 \\ \hline 03 \quad | \quad 2131 \\ \hline 09 \\ \hline 03 \\ \hline 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} 6606 \quad | \quad 6 \\ \hline 06 \quad | \quad 1101 \\ \hline 00 \\ \hline 06 \\ \hline 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3652 \quad | \quad 4 \\ \hline 05 \quad | \quad 913 \\ \hline 12 \\ \hline 0 \end{array}$$

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 48 Bài 2: Một nhà máy sản xuất được 4575 bánh răng trong 5 ngày. Hỏi mỗi ngày nhà máy sản xuất được bao nhiêu bánh răng? Biết rằng số bánh răng sản xuất được trong mỗi ngày như nhau.



Lời giải:

Số bánh răng nhà máy sản xuất trong mỗi ngày là:

$$4575 : 5 = 915 \text{ (bánh răng)}$$

Đáp số: 915 bánh răng

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 48 Bài 3: Số?

Có hai trang trại nuôi vịt, trang trại thứ nhất có 4 500 con vịt, số con vịt ở trang trại thứ hai bằng số con vịt ở trang trại thứ nhất giảm đi 3 lần.

- Trang trại thứ hai có ? con vịt.
- Cả hai trang trại có ? con vịt.



Lời giải:

- Trang trại thứ hai có số con vịt là:

$$4500 : 3 = 1500 \text{ (con)}$$

- Cả hai trang trại có số con vịt là:

$$4500 + 1500 = 6000 \text{ (con)}$$

Đáp số: a) 1500 con; b) 6000 con

Giải Toán lớp 3 KNTT trang 50 Hoạt động

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 50 Bài 1:

a) Tính?

$$\begin{array}{r} 6729 \mid 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 4163 \mid 8 \\ \hline \end{array}$$

b) Số?

Phép chia	Số bị chia	Số chia	Thương
6 729 : 6	?	?	?
4 163 : 8	?	?	?

Lời giải:

a)

$$\begin{array}{r} 6729 \mid 6 \\ 07 \mid 1121 \\ 12 \\ 09 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4163 \mid 8 \\ 16 \mid 520 \\ 03 \\ 3 \end{array}$$

b)

Phép chia	Số bị chia	Số chia	Thương	Số dư
$6729 : 6$	6729	6	1121	3
$4163 : 8$	4163	8	520	3

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 50 Bài 2: Đội quân của tướng Cao Lỗ có 6 308 người. Tướng quân muốn chia số người ấy thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 7 người. Hỏi có thể chia thành bao nhiêu nhóm và còn dư mấy người?



Lời giải:

Thực hiện phép chia ta có:

$$6308 : 7 = 901 \text{ (dư 1)}$$

Có thể chia thành số nhóm là:

$$6308 : 7 = 901 \text{ (nhóm) dư 1}$$

Vậy ta sẽ có 901 nhóm và dư 1 người.

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 50 Bài 3:

- a) Một con kiến chúa có tuổi thọ là 9 490 ngày và gấp đôi tuổi thọ của ve sầu. Hỏi ve sầu có tuổi thọ là bao nhiêu ngày?
- b) Tìm đường đi cho ve sầu chui lên mặt đất mà không gặp con chim?



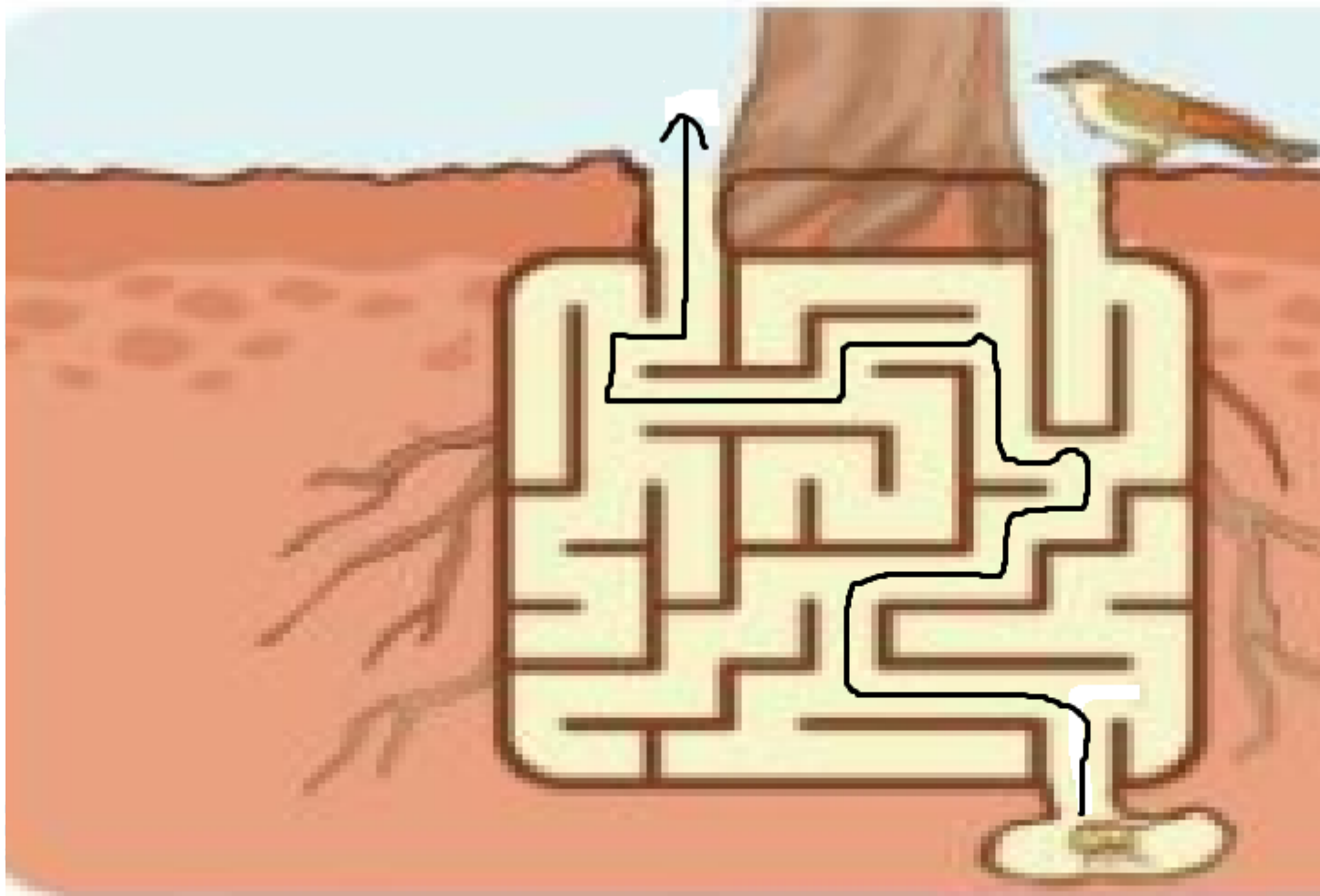
Lời giải:

a)

Tuổi thọ của ve sầu là:

$$9490 : 2 = 4745 \text{ (ngày)}$$

b)



Giải bài tập Toán 3 KNTT trang 51 Luyện tập

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 51 Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$5025 : 5$$

$$3296 : 4$$

$$2487 : 2$$

$$7369 : 8$$

Lời giải:

$5025 \overline{) 5}$	$3296 \overline{) 4}$	$2487 \overline{) 2}$	$7369 \overline{) 8}$
$00 \overline{) 1005}$	$09 \overline{) 824}$	$04 \overline{) 1243}$	$16 \overline{) 921}$
02	16	08	09
25	0	07	1
0		1	

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 51 Bài 2: Tính nhẩm (theo mẫu):

Mẫu: $8\ 000 : 2 = ?$
 Nhẩm: 8 nghìn : 2 = 4 nghìn
 $8\ 000 : 2 = 4\ 000$

a) $7000 : 7$

b) $9000 : 3$

c) $8000 : 4$

Lời giải:

a) $7000 : 7$

Nhẩm: 7 nghìn : 7 = 1 nghìn

$$7000 : 7 = 1000$$

b) $9000 : 3$

Nhẩm: 9 nghìn : 3 = 3 nghìn

$$9000 : 3 = 3000$$

c) $8000 : 4$

Nhẩm: 8 nghìn : 4 = 2 nghìn

$$8000 : 4 = 2000$$

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 51 Bài 3: Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) $6000 : 2 \dots 2999$

b) $3000 : 3 \dots 200 \times 5$

c) $3500 : 5 \dots 4000 : 5$

Lời giải:

a) $6000 : 2 > 2999$

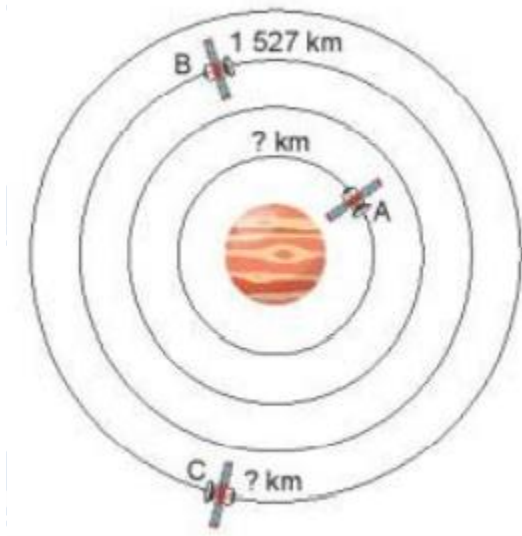
b) $3000 : 3 = 200 \times 5$

c) $3500 : 5 < 4000 : 5$

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 51 Bài 4: Số?

Có ba vệ tinh bay quanh một thiên thể. Vệ tinh B bay một vòng được 1527 km, dài gấp 3 lần một vòng của vệ tinh A. Vậy vệ tinh A bay một vòng được ? km.

Vệ tinh C bay một vòng dài gấp 4 lần một vòng của vệ tinh A. Vậy vệ tinh C bay một vòng được ? km.



Lời giải:

Vệ tinh A bay 1 vòng được số km là:

$$1527 : 3 = 509 \text{ (km)}$$

Vệ tinh C bay 1 vòng được số km là:

$$509 \times 4 = 2036 \text{ (km)}$$

Đáp số: Vệ tinh A: 509 km; Vệ tinh C: 2036 km